

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày 29-3-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Tư.
2. Ông Nguyễn Văn Môn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 03 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977 tại huyện TY, tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: TDP Đình, thị trấn CT, huyện TY, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1947 và bà Dương Thị T, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ là Trần Thị H1, sinh năm 1981 và có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Chưa có; Tiền sự: Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc vào tháng 4/2022, đã nộp phạt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Trần Thị H**, sinh năm 1974 tại huyện LN, B; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: thị trấn BS, xã BS, huyện LN, tỉnh B; Nơi tạm trú: Số nhà 03, ngõ 110, đường ĐST, phường HVT, thành phố B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Bị cáo chồng là Tạ Duy C, sinh năm 1975 (đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc vào năm

2011; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Xuân D**, sinh năm 1988 tại huyện LG, tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TT, xã TĐ, huyện LG, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1965 và bà Trần Thị V, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Giáp Thị Đ, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984 tại huyện Hiệp Hòa, tỉnh B; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: TDP MĐ, phường ĐM, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ là Ngô Thị Ngọc Q, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **Trần Gia T**, sinh năm 1991 tại thành phố B, tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã TT, thành phố B, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Số 236 đường TNH, phường TX, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trần Văn Q, sinh năm 1971 và bà P Thị S, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là Nông Thị V, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 430, đường NTL, phường NQ, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Công ty TNHH ML B.

Địa chỉ: Lô 17A, LK 44, khu số 2, khu đô thị phía Nam, phường DK, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình C - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Chức vụ: Nhân viên.

(Có mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn CT, huyện TY, tỉnh B; Trần Thị H, sinh năm 1974, trú tại thị tứ BS, xã BS, huyện LN, tỉnh B, chỗ ở số nhà 03, ngõ 110, đường ĐST, phường HVT, thành phố B; Nguyễn Xuân D, sinh năm 1988, trú tại thôn TT, xã TĐ, huyện LG, tỉnh B; Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố MĐ, phường ĐM, thành phố B; Trần Gia T, sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, xã TT, thành phố B, chỗ ở số nhà 236, đường TNH, thành phố B đều làm nghề lái xe taxi trên địa bàn thành phố B và quen biết nhau từ trước. Hàng ngày, H, T, T, H và D thường đỗ xe taxi ngồi đợi khách ở quán trà đá của bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1950 ở số nhà 430, đường NTL, phường NQ, thành phố B.

Khoảng 09 giờ ngày 30/11/2022, H đến quán trà đá của bà D ngồi uống nước để đợi khách. Khi đang ngồi uống nước thì T và T vào ngồi cùng. H nảy sinh ý định đánh bạc ăn tiền nên đã gọi cho D và H đi về quán trà đá. Một lúc sau thì D đến, cả nhóm gồm H, T, T và D cùng thống nhất rồi tự đi lên gác xép quán trà đá của bà D để đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây. Trước khi đánh bạc, H chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ, trải tấm đệm làm chiếu bạc còn T bóc bộ bài tú lơ khơ, bỏ các quân 10 và J, Q, K ra chỉ lấy các quân bài từ Át đến 9 để đánh ba cây. H, T, T và D đánh bạc được khoảng 30 phút thì H đến và tham gia đánh bạc. Khi H, T, T, H và D đang đánh bạc đến 11 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố B kiểm tra, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ được niêm phong tại chỗ gồm:

- Số tiền 700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, trước mặt của Nguyễn Văn T, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "T" dán kín.

- Số tiền 720.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, trước mặt của Nguyễn Xuân D, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "D 1" dán kín.

- Số tiền 550.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, trước mặt của Trần Thị H, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "H" dán kín.

- Số tiền 1.100.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, trước mặt của Trần Gia T, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "T" dán kín.

- Số tiền 1.700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, trước mặt của Nguyễn Văn H, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "H" dán kín.

- Số tiền 3.350.000 đồng thu giữ trong túi quần bên phải của Nguyễn Xuân D đang mặc, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "D 2" dán kín.

- Số tiền 428.000 đồng do Trần Thị H tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "H 0" dán kín.

- Số tiền 209.000 đồng do Nguyễn Văn H tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "H 0" dán kín.

- Số tiền 1.104.000 đồng do Trần Gia T tự giác lấy trong túi quần giao nộp, được cho vào một phong bì thư kí hiệu "T 0" dán kín.

- 01 (một) bộ bài Tú lơ khơ 36 quân bài từ quân Át đến quân 9 sử dụng để đánh bạc, mặt sau quân bài màu đỏ, thu giữ trên chiếu bạc (mặt đệm), được cho vào một phong bì thư kí hiệu "Bài" dán kín.

Ngoài ra thu giữ: 12 (mười hai) quân bài hình đầu người và 4 (bốn) quân 10, thu giữ trên mặt kệ Tivi, trên gác xép số nhà 430; 01 (một) đệm vải dùng làm chiếu bạc, thu giữ ở sàn gác xép số nhà 430.

- 01 (một) điện thoại Redmi Note 7; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING biển kiểm soát 98A- 206.70, tạm giữ của H.

- 01 (một) điện thoại iPhone 14 Pro Max; 01 (một) điện thoại OPPO A5; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 98A-266.24, tạm giữ của T.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A305; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Gran I10, biển số 98E- 001.17, tạm giữ của H.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A025; 01 (một) xe ô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Toyota Vios E biển kiểm soát 98A- 132.47, tạm giữ của D.

- 01 (một) điện thoại iPhone 7 Plus; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 98A-324.80, tạm giữ của T.

Tại cơ quan điều tra, T, H, D, H và T thành khẩn khai nhận về hành vi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh ba cây như sau: Khi đánh ba cây, mọi người chỉ lấy 36 quân từ quân Át đến quân 9. Trước khi chia bài, tất cả sẽ bốc cái để xác định người được người chia bài trước (được gọi là người cầm chương). Người cầm chương chia cho mỗi người 3 quân bài, sau đó những người chơi cầm 3 quân bài lên rồi cộng tổng điểm của 3 quân bài. Nếu tổng điểm của 3 quân bài nhỏ hơn hoặc bằng 10 thì lấy nguyên số điểm của bài, nếu tổng điểm của 3 quân bài lớn hơn 10 thì lấy điểm của bài là phần đơn vị, nếu tổng điểm của 3 quân bài là 20 thì sẽ tính là 10 điểm. Sau khi tính điểm thì những người chơi so điểm với người cầm chương để tính thắng, thua. Ai cao điểm hơn người cầm chương là thắng, nếu bằng điểm với người cầm chương thì bài của người thắng là bài có quân theo thứ tự lớn hơn và thứ tự ưu tiên về chất rô, cơ, tép, bích. Người thắng được người cầm chương trả bằng số tiền đã đặt cược, còn thua thì người cầm chương được hưởng số tiền đó. Ngoài ra, trong mỗi ván bạc, những người tham gia đánh bạc có thể tự cược tiền với nhau

(đánh biên giới), ai thắng thì được hưởng số tiền người thua đã đặt cược. Người nào được 10 điểm sẽ được cầm chương.

Về số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc và thắng thua khi bị bắt quả tang như sau:

Trần Thị H bỏ ra 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bị thua hết và có vay của D 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu trên chiếu bạc của H còn 550.000 đồng; số tiền 428.000 đồng thu trên người trong túi áo ngực, có 100.000 đồng là tiền trong quá trình đánh bạc H cất vào, còn lại 328.000 đồng là tiền của H không sử dụng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Văn T bỏ ra 1.700.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bị thua hết và có vay của D 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu trên chiếu bạc của T 700.000 đồng.

Nguyễn Xuân D bỏ ra 2.720.000 đồng để đánh bạc, trong quá trình đánh bạc có thắng và lấy tiền thắng bạc cho T vay 2.000.000 đồng và cho H vay 500.000 đồng; khi bị bắt quả tang thu trên chiếu bạc của D là 720.000 đồng và số 3.350.000 đồng thu trong túi quần bên phải của D đang mặc là do D lấy ở trên chiếu bạc của D cất vào khi bị bắt quả tang.

Trần Gia T bỏ ra 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền trên chiếu bạc của T là 1.100.000 đồng; thu trong túi quần bên trái của T 1.104.000 đồng, đây là số tiền T không sử dụng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Văn H bỏ ra 1.800.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền trên chiếu bạc của H là 1.700.000 đồng; thu giữ trong túi áo ngực H đang mặc 209.000 đồng, đây là số tiền H không sử dụng vào việc đánh bạc.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào đánh bạc là 8.220.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị D. Kết quả điều tra xác định bà D không biết việc các đối tượng đánh bạc tự đi lên gác xép nhà mình để đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Gran I10 biển số 98E- 001.17 tạm giữ của H; xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING biển số 98A-206.70 tạm giữ của H. Quá trình điều tra xác định là tài sản của Công ty TNHH ML B. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 98A-324.80 là của T; xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 98A-266.24 là của T; xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 98A- 132.47 là của D đều sử dụng để kinh doanh dịch vụ taxi. Kết quả điều tra xác định các bị can không sử dụng những tài sản trên để đánh bạc nên Cơ quan đã trả lại cho chủ sở hữu.

Toàn bộ số vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ còn lại của các bị can. Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 23 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH ML B - ông Nguyễn Văn P trình bày: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Gran I10 biển số 98E- 001.17 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING biển số 98A- 206.70 đều là tài sản của Công ty TNHH ML B. Hiện công ty đã nhận lại tài sản trên, không có yêu cầu gì. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo H, bị cáo H được hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội cải sửa bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 6 đến 9 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/11/2022 đến ngày 06/12/2022. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường HVT, thành phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện LG, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 6 đến 9

tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường ĐM, thành phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Gia T từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường TX, thành phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:
- + Số tiền 700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Văn T, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T” dán kín.
- + Số tiền 720.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Xuân D, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “D 1” dán kín.
- + Số tiền 550.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Trần Thị H, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H” dán kín.
- + Số tiền 1.100.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Trần Gia T, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T” dán kín.
- + Số tiền 1.700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Văn H, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H” dán kín.
- + Số tiền 3.350.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Xuân D, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “D 2” dán kín.
- Trả lại Trần Thị H 01 Điện thoại Samsung Galaxy A305.
- Trả lại Trần Xuân D 01 Điện thoại Samsung Galaxy A025.
- Trả lại Nguyễn Văn H số tiền 209.000 đồng do H tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H 0” dán kín và 01 Điện thoại Redmi Note 7.
- Trả lại Trần Gia T số tiền 1.104.000 đồng do T tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T 0” dán kín; 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max, 01 điện thoại OPPO A5.
- Trả lại Nguyễn Văn T 01 điện thoại Iphone 7Plus.
- Đối với số tiền 428.000 đồng do Trần Thị H tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H 0” dán kín cần tịch thu sung

Ngân sách Nhà nước 100.000 đồng, trả lại H 328.000 đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân và 01 đệm vải.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử cho được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên trong hồ sơ đã có lời khai những người này nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 30/11/2022, Nguyễn Văn T, Trần Thị H, Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn H và Trần Gia T cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền tại gác xép nhà bà Nguyễn Thị D ở số nhà 430, đường NTL, phường NQ, thành phố B đến 11 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố B bắt quả tang. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 8.220.000 đồng. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

[4.1] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội tại địa P, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý phạm tội nên cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[4.2] Về vai trò các bị cáo: Các bị cáo cùng cố ý phạm tội nhưng không có dấu hiệu tổ chức, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc và phân công nhiệm vụ cụ thể nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo H là người chuẩn bị công cụ, P tiện để thực hiện hành vi đánh bạc nên có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn H và Trần Gia T là những người cùng tham gia đánh bạc, có vai trò ngang nhau nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bản thân.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[5.1] Xét về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn H, Trần Gia T có nhân thân tốt. Bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thị H đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

[5.2] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo T có bố đẻ là thương binh. Bị cáo H trong quá trình lao động có thành tích xuất sắc, được Liên đoàn lao động tỉnh B tặng Bằng khen. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả 5 bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

[6] Bị cáo D, bị cáo H, bị cáo T có nhân thân tốt bản thân chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo H tuy đã từng bị xử phạt hành chính nhưng thời gian xử phạt hành chính đã lâu, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, căn cứ vào H dẫn tại nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018

của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo D, bị cáo H, bị cáo T, bị cáo H khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho UBND xã, phường nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

[7] Đối với các bị cáo T có 01 tiền sự, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc vào tháng 4/2022 nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn cố ý phạm tội nên cần phải áp dụng hình phạt tù giam mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Xét về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc:
 - + Số tiền 700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Văn T, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T” dán kín.
 - + Số tiền 720.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Xuân D, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “D 1” dán kín.
 - + Số tiền 550.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Trần Thị H, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H” dán kín.
 - + Số tiền 1.100.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Trần Gia T, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T” dán kín.
 - + Số tiền 1.700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Văn H, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H” dán kín.
 - + Số tiền 3.350.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Xuân D, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “D 2” dán kín.
- Trả lại các bị cáo tiền, đồ vật do không liên quan đến hành vi phạm tội:
 - + Trả lại Trần Thị H 01 Điện thoại Samsung Galaxy A305.
 - + Trả lại Trần Xuân D 01 Điện thoại Samsung Galaxy A025.
 - + Trả lại Nguyễn Văn H số tiền 209.000 đồng do H tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H 0” dán kín và 01 Điện thoại Redmi Note 7.
 - + Trả lại Trần Gia T số tiền 1.104.000 đồng do T tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T 0” dán kín; 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max, 01 điện thoại OPPO A5.

+ Trả lại Nguyễn Văn T 01 điện thoại Iphone 7Plus.

- Đối với số tiền 428.000 đồng do Trần Thị H tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H 0” dán kín cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 100.000 đồng là tiền bị cáo H đánh bạc mà có, trả lại bị cáo H 328.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân và 01 đệm vải do liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng.

[10] Đối với bà Nguyễn Thị D. Kết quả điều tra xác định bà D không biết việc các đối tượng đánh bạc tự đi lên gác xếp nhà mình để đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11] Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Gran I10 biển số 98E- 001.17 tạm giữ của H; xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING biển số 98A- 206.70 tạm giữ của H. Quá trình điều tra xác định là tài sản của Công ty TNHH ML B. Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 98A-324.80 là của T; xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 98A-266.24 là của T; xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 98A- 132.47 là của D đều sử dụng để kinh doanh dịch vụ taxi. Kết quả điều tra xác định các bị cáo không sử dụng những tài sản trên để đánh bạc nên Cơ quan đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 7 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/11/2022 đến ngày 06/12/2022. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thị H 8 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường HVT, thành phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện LG, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường ĐM, thành phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

5. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Gia T 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường TX, thành phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

6. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

7. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:
- + Số tiền 700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Văn T, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T” dán kín.
- + Số tiền 720.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Xuân D, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “D 1” dán kín.
- + Số tiền 550.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Trần Thị H, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H” dán kín.
- + Số tiền 1.100.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Trần Gia T, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T” dán kín.
- + Số tiền 1.700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Văn H, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H” dán kín.

+ Số tiền 3.350.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc trước mặt Nguyễn Xuân D, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “D 2” dán kín.

- Trả lại Trần Thị H 01 Điện thoại Samsung Galaxy A305.

- Trả lại Trần Xuân D 01 Điện thoại Samsung Galaxy A025.

- Trả lại Nguyễn Văn H số tiền 209.000 đồng do H tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H 0” dán kín và 01 Điện thoại Redmi Note 7.

- Trả lại Trần Gia T số tiền 1.104.000 đồng do T tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “T 0” dán kín; 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max, 01 điện thoại OPPO A5.

- Trả lại Nguyễn Văn T 01 điện thoại Iphone 7Plus.

- Đối với số tiền 428.000 đồng do Trần Thị H tự giác lấy trong túi áo ngực giao nộp, được cho vào một phong bì thư ký hiệu “H 0” dán kín cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 100.000 đồng, trả lại H 328.000 đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân và 01 đệm vải.

8. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

9. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo.
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP.B.
- VKS tỉnh B.
- TAND tỉnh B.
- Công an Thành phố B.
- Chi cục THADS TP. B.
- Trại Tạm giam CA tỉnh B.
- Sở tư pháp tỉnh B.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.
- UBND TT CT, h.TY, B;
- UBND p.HVT, TP.B, B;
- UBND x.TĐ, h.LG, B;
- UBND p.ĐM, TP.B, B;
- UBND p.TX, TP.B, B;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo